

ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ DUY NGÔN NGỮ Ở NGƯỜI VIỆT DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ GIỚI TÍNH (SO SÁNH VỚI NHÂN TỐ TUỔI TÁC VÀ VÙNG MIỀN)

TỔNG QUAN

MỤC TIÊU

3. Mục tiêu:

Đề tài được triển khai với những mục tiêu khoa học như sau:

1/ Tìm hiểu hệ thống cơ sở lý luận về vấn đề mối quan hệ giữa giới tính và ngôn ngữ, tư duy ngôn ngữ cũng như sự tác động của một số nhân tố như giới tính, vùng miền, tuổi tác đến tư duy ngôn ngữ của người Việt.

2/Tiến hành khảo sát, phân tích một cách cụ thể, hệ thống về đặc điểm tư duy ngôn ngữ của người Việt xét theo giới tính trong quan hệ với nhân tố vùng miền, tuổi tác thông qua các thực nghiệm chuyên biệt và các phương pháp nghiên cứu đặc thù (phương pháp thực nghiệm liên tưởng, phương pháp phân tích thành tố nghĩa, các phương pháp ngôn ngữ học thống kê để tính toán độ phong phú, độ tập trung, độ phân tán từ vựng liên tưởng, hệ số tương quan tư duy của nam giới và nữ giới...)

3/ Rút ra những nhận xét, kiến giải về các đặc điểm, năng lực tư duy ngôn ngữ của mỗi giới ở người Việt dưới góc độ ngôn ngữ, tâm lý và văn hóa. Đề xuất một số giải pháp trong sử dụng và quy hoạch ngôn ngữ.

4/ Góp thêm những cứ liệu quan trọng trong việc tìm hiểu, làm rõ đặc điểm của tư duy ngôn ngữ (chiến lược liên tưởng tự do, tư duy liên tưởng có định hướng) theo giới tính trong tương quan với nhân tố tuổi tác, vùng miền.

NỘI DUNG

4. Nội dung chính:

Nội dung của đề tài tập trung trong ba chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung

Chương 2: Tư duy ngôn ngữ theo giới tính trong tương quan với nhân tố tuổi tác

Chương 3: Tư duy ngôn ngữ theo giới tính trong tương quan với nhân tố vùng miền

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp điều tra bằng anket, phỏng vấn: Chúng tôi tiến hành điều tra bằng các bảng hỏi (anket) đối với đối tượng người Việt theo giới tính ở các độ tuổi, nghề nghiệp, vùng miền khác nhau. Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành ghi âm, phỏng vấn sâu để hiểu rõ thái độ và thói quen trong sử dụng ngôn ngữ của các đối tượng này.

- Phương pháp thực nghiệm liên tưởng: Cơ sở của phương pháp này là: một từ nào đó đóng vai trò là cái kích thích gây ra sự xuất hiện trong óc một từ khác với tư cách là phản ứng. Phương pháp thực nghiệm liên tưởng có hai dạng: tự do và có định hướng. Chúng khác nhau ở chỗ trong khi thực nghiệm có nêu điều kiện liên tưởng theo hướng nào hay không.

- Thủ pháp phân tích thành tố nghĩa: Đây là thủ pháp được sử dụng có hiệu quả nhất trong việc xây dựng cơ sở mới cho sự phân tích từ vựng – ngữ nghĩa ở diện tương phản. Thủ pháp này nghiên cứu mặt nội dung các đơn vị có ý nghĩa được khởi thảo ra trong phạm vi ngữ nghĩa học cấu trúc và có mục đích là phân giải ý nghĩa ra thành các thành phần ngữ nghĩa tối thiểu (hay còn gọi là các nghĩa vị, các ý sơ đẳng, các nhân tử ngữ nghĩa, các đặc trưng ngữ nghĩa, các thành tố). Đối tượng phân tích bằng thủ pháp này là một tổng thể các từ liên quan với nhau về ngữ

nghĩa.

- Các phương pháp ngôn ngữ học thống kê để tính toán độ phong phú, độ tập trung, độ phân tán từ vựng liên tưởng, hệ số tương quan tư duy của nam giới và nữ giới: Trước đây trong luận án của GS.TS Nguyễn Đức Tồn, các công thức dưới đây lần đầu tiên đã được mở rộng phạm vi áp dụng để tính toán, chỉ ra một cách cụ thể mức độ gần gũi và khác biệt cũng như hệ số tương quan về tư duy ngôn ngữ giữa người Việt và người Nga cùng một số dân tộc khác trong các phạm vi định danh, chuyển nghĩa liên tưởng. Trong lĩnh vực nghiên cứu thống kê từ vựng, một số công thức tính toán này cũng đã được áp dụng:

a) Độ phong phú từ vựng

Công thức tính:

R: Độ phong phú từ vựng

V: Số từ khác nhau trong văn bản

N: Tổng số lần xuất hiện các từ (hay độ dài của văn bản)

b) Độ tập trung từ vựng được tính theo công thức

N: Tổng số lần xuất hiện các từ (hay độ dài của văn bản)

r: Hạng của một từ nào đó

f r: Tần số của từ có hạng "r"

c) Độ phân tán từ vựng

Vi: Số lượng từ khác nhau có tần số "i"

V: Số lượng từ khác nhau

d) Hệ số tương quan hai danh sách từ vựng

: Hệ số trùng nhau của hai danh sách thứ hạng

n: hạng thứ "n"

i – hạng của từ nào đó trong danh sách thứ nhất

Ji: hạng cũng của chính từ ấy trong danh sách thứ hai

Trong công thức trên nếu:

- = 1, thì hai danh sách trùng nhau hoàn toàn

- = 0, hai danh sách không có gì tương ứng, hoặc tương quan với nhau

- càng tiến gần tới 0, hai danh sách càng không tương quan với nhau

- càng tiến tới 1, hai danh sách càng tương quan với nhau nhiều hơn

Chúng tôi cũng sử dụng các công thức trên để tính toán, chỉ ra đặc trưng giới tính và mức độ ảnh hưởng đến tư duy liên tưởng của người Việt (đối tượng sinh viên), từ đó chỉ ra đặc điểm tổ chức của vốn từ vựng tiềm tàng ở nam và nữ.

- Một số phương pháp, thủ pháp khác

HIỆU QUẢ KTXH

5. Thời gian nghiên cứu dự kiến: Từ 01/01/2013 đến 01/12/2014

6. Nhu cầu kinh phí dự kiến: 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng)

7. Kết quả, hiệu quả dự kiến:

1/ Sản phẩm khoa học:

- Số bài báo khoa học cấp quốc gia: 02

- Số bài báo khoa học cấp đại học: 01

2/ Sản phẩm đào tạo

- Số lượng đề tài SV NCKH: 02
- Số lượng khóa luận TN đại học: 02

3/ Sản phẩm ứng dụng:

* Sản phẩm dự kiến:

- Bản báo cáo toàn văn của đề tài
- Các bài báo cấp quốc gia, cấp đại học
- 01 chuyên đề giảng dạy cho SV
- Hoàn thiện một phần trong luận án tiến sĩ

* Phạm vi, khả năng ứng dụng và địa chỉ ứng dụng

- Sử dụng làm tài liệu xây dựng giáo án giảng dạy học phần/chuyên đề Ngôn ngữ học xã hội tại khoa Văn – Xã hội Trường Đại học Khoa học, Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên; chuyên đề Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở bậc sau đại học ngành Ngôn ngữ học ở một số trường đại học và cao đẳng khác trong cả nước (Trường ĐH Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH KHXH – NV, ĐHQG Hà Nội...)

- Sử dụng làm tài liệu học tập và tham khảo học phần Ngôn ngữ học xã hội và chuyên đề Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy cho sinh viên, học viên các trường đại học và cao đẳng.

- Sử dụng làm tài liệu tham khảo và giảng dạy cho giáo viên, sinh viên ngành ngữ văn, ngành ngôn ngữ học, ngành xã hội học...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Trường Đại học Khoa học

Đại học Thái Nguyên